

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST
Ngày 15 - 8 - 2022
“V/v Tranh chấp về chia thừa kế
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Huyền.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2020/TLST-DS, ngày 19/10/2020, về “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 282A, ấp HT, xã LHA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Ngô Thị Mỹ T, sinh năm 1978; địa chỉ: 478B/2, ấp LB, xã L, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị T là anh Mai Ngọc T2, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, A là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022.

3. Chị Ngô Thị Mỹ N1, sinh năm 1984; địa chỉ: 188A, ấp K, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Mỹ C, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp HT, xã LHA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 223, ấp HT, xã LHA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò, địa chỉ: QL 80, khóm Bình Thạnh 1, TT. Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Nh – Chủ tịch UBND huyện là đại diện theo pháp luật (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020 của các nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ T, chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ N1 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ N1 và anh Mai Ngọc T1 đại diện theo uỷ quyền cho chị Ngô Thị Mỹ T cùng trình bày: Ông Ngô Công H, sinh năm 1934 (chết năm 2013) và bà Võ Thị M sinh năm 1949 (chết năm 2017 dương lịch) là vợ chồng. Qua trình sống chung ông H, bà M sinh được 04 người con Ngô Thị Mỹ T, Ngô Thị Mỹ N1, Ngô Thị Mỹ N, Ngô Thị Mỹ C, ông H và bà M không có con nuôi. Lúc còn sống ông H, bà M có tạo lập được tài sản nhưng đã bán một phần nên chỉ còn lại thửa đất số 243c diện tích 404m², gồm 300m² đất thổ toạ lạc tại ấp Hưng Thành Tây, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp được UBND huyện Lấp Vò cấp cho hộ ông Ngô Công H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/10/2000 và 104m² đất vườn. Trên diện tích đất này có căn nhà cấp 4 của cha mẹ xây dựng ngang 9m x 25m, nền lót gạch bông, vách tôn lạnh, mái ngói và thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 05 diện tích 900m² toạ lạc tại ấp Khánh Mỹ An, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Do chị N, chị N1 và chị T lập gia đình và có nhà ở riêng chỉ có chị Ngô Thị Mỹ C ở chung nhà với cha mẹ nên vào năm 2009 cha mẹ có lập di chúc để lại hai thửa đất trên và căn nhà cho Ngô Thị Mỹ C quản lý, sử dụng và phụng dưỡng cha mẹ cũng như lo việc thờ cúng sau này. Tuy nhiên, sau khi cha qua đời vào năm 2013, thì chị C không chăm sóc mẹ lúc tuổi già, đau bệnh mà còn có hành vi ngược đãi mẹ già. Do đó, ngày 04/6/2014, mẹ của các chị đã đến UBND xã Long Hưng A để lập di chúc có nội dung là thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 54, diện tích 404m² do ông Ngô Công H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà cấp 4. Bà M di chúc để lại cho chị N, Trang, Nhung ½ thửa đất 243c và căn nhà cấp 4 trên đất để chị N, Trang, Nhung cùng đồng sở hữu. Chị N, chị T và chị N1 cho rằng việc chị C đứng tên quyền sử dụng đất của cha mẹ thì các chị cũng nhưng mẹ không biết nên không có khiếu nại đối với việc chị C được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Thửa đất 243c hiện nay là thửa 01 qua đo đạc thực tế là 731m². Nay chị N, Trang, Nhung yêu cầu chia thừa kế theo nội dung di chúc chứng thực ngày 04/6/2014 của bà M. Cụ thể chị N, Trang, Nhung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị C và H, yêu cầu Tòa án chia cho chị N, chị T và chị N1 được hưởng diện tích đo đạc thực tế 401,3m² (Mốc M1, M2, M3, M4, M5, M9, M8 Về M1) theo sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2021 đất toạ lạc tại xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp hiện do ông H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc ngày ngày 04/6/2014. Phần diện tích đất còn lại và nhà thì chị N, chị T và chị N1 yêu cầu được quản lý sử dụng và trả giá trị theo giá mà Hội đồng định giá đã định cho

chị C. Đối với thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 900m² ghi trong tờ di chúc thì các chị thống nhất không yêu cầu chia.

Chị N, chị T và chị N1 thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2021 và giá trị tài sản tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản

- *Bị đơn là chị Ngô Thị Mỹ C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay trình bày:* Ông Ngô Công H (chết năm 2013) và bà Võ Thị M (chết năm 2017 dương lịch) là vợ chồng. Ông H, bà M có 04 người con chị Ngô Thị Mỹ T, chị Ngô Thị Mỹ N1, chị Ngô Thị Mỹ N và chị Ngô Thị Mỹ C, không có con nuôi. Khi còn sống ông H, bà M có lập tờ di chúc ngày 24/12/2009 được Chủ tịch UBND xã Long Hưng A công chứng hợp pháp. Nội dung di chúc là ông H, bà M để lại cho Ngô Thị Mỹ C toàn bộ tài sản của ông H, bà M gồm thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 54, thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 05, thửa đất số 735b, tờ bản đồ số 05 và thửa 1093, tờ bản đồ số 06. Đến năm 2010, do các thửa đất cha mẹ để lại thừa kế theo di chúc thì cha mẹ đã chuyển nhượng cho người khác. Do đó, khi làm thủ tục chuyển nhượng thì ông H, bà M đã làm hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại cho chị Ngô Thị Mỹ C luôn. Đến ngày 12/02/2010, UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ chị Ngô Thị Mỹ C trong đó có thửa đất 243c mà chị N, chị N1 và chị Tranh đang tranh chấp. Đến năm 2012 nhà nước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị C thửa 243c, tờ bản đồ số 54 thành thửa đất số 01, tờ bản đồ số 73, diện tích là 731m². Đến năm 2016, chị C làm hợp đồng tặng cho diện tích đất này cho chồng là Nguyễn Văn H và được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H vào ngày 25/11/2016. Sau đó, anh H làm hợp đồng tặng cho lại con của chị C và anh H là Nguyễn Thị Thanh Tuyền và được UBND huyện cấp giấy cho chị Tuyền vào ngày 08/12/2016. Sau khi chị Tuyền đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2019 do chị Tuyền có chồng nên đã làm hợp đồng tặng cho lại cho anh Nguyễn Văn H. Đến ngày 11/6/2019 anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 01, tờ bản đồ số 73, diện tích 731m² cho đến nay. Nay chị C không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn, lý do phần diện tích đất tranh chấp chị C đã được ông H, bà M tặng cho và đứng tên quyền sử dụng đất hợp pháp trước khi ông H và bà M chết nên thuộc quyền quản lý sử dụng của chị C và chị C đã làm thủ tục tặng cho anh H theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, đến năm 2014 mẹ làm di chúc cho chị N, chị Tranh và chị N1 ½ diện tích đất tại thửa 243c là không đúng quy định của pháp luật, vì thời điểm tặng cho đất không còn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà M.

Chị C thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2021 và giá trị tài sản tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh H là chồng của chị Ngô Thị Mỹ C, phần đất tranh chấp thửa 01, tờ bản đồ số 73, diện tích 731m² hiện anh H đang đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã Long Hưng A, Lấp Vò, Đồng Tháp. Nguồn gốc đất tranh chấp là được cha mẹ vợ cho vợ là Ngô Thị Mỹ C. Sau đó, chị C đã làm hợp đồng tặng cho anh H theo

đúng quy định của pháp luật. Do đó, anh H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì quyền sử dụng đất anh H đứng tên hợp pháp.

Anh thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò đã đo đúng diện tích đất tranh chấp và giá trị tài sản tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia thừa kế tài sản của bà Võ Thị M để lại nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản” được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp và các đương sự ở huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Lấp Vò có đơn xin xét xử vắng. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với Ủy ban là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất: Ông Ngô Công H, sinh năm 1934 (chết năm 2013) và bà Võ Thị M sinh năm 1949 (chết năm 2017 dương lịch) là vợ chồng. Qua trình sống chung ông H, bà M sinh được 04 người con Ngô Thị Mỹ T, Ngô Thị Mỹ N1, Ngô Thị Mỹ N, Ngô Thị Mỹ C, ông H và bà M không có con nuôi. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H và bà M tại thời điểm mở thừa kế là: Chị N, chị T, chị N1 và chị C. Tài sản tranh chấp thừa kế là diện tích đất qua đo đạc thực tế là 731m², thửa 243c, tờ bản đồ số 54 (nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 73), hiện nay anh Nguyễn Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của ông H và bà M.

[2.2] Nguyên đơn là chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ T, chị Ngô Thị Mỹ N1 yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đo đạc thực tế 401,3m² thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 73 trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M9, M8 Về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2021 đất tọa lạc tại xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và phần diện tích đất còn lại yêu cầu được quản lý sử dụng và đồng ý trả giá trị đất cho chị C. Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Tờ di chúc” đề ngày 04/6/2014 được Chủ tịch UBND xã Long Hưng A chứng thực số 02, quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC. Còn phía chị Ngô Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn H cho rằng phần diện tích đất tranh chấp thừa kế khi còn sống cha mẹ đã làm thủ tục chuyển nhượng cho chị C và chị C đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất từ năm 2010, sau đó chị C chuyển nhượng cho anh H đứng tên nên không đồng ý theo như yêu cầu của các nguyên đơn. Xét thấy:

[2.3] Vào ngày 24/12/2009 ông H và bà M có lập tờ di chúc được Chủ tịch UBND xã Long Hưng A công chứng. Theo nội dung di chúc thì ông H, bà M để lại cho Ngô Thị Mỹ C gồm thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 54 diện tích 404m² được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02575 vào ngày 09/10/2000, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Tây, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò cho ông Ngô Công H và căn nhà cấp 4 trên đất, thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 05, diện tích 900m² được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị M, thửa đất số 735b, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.450m² và thửa 1093, tờ bản đồ số 06 diện tích 3.640m² được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị M. Đến năm 2010, các thửa đất mà ông H, bà M để lại thừa kế theo tờ di chúc này đã chuyển nhượng cho người khác nên phần đất theo di chúc chỉ còn lại thửa 243c, tờ bản đồ số 54 diện tích là 404m². Do đó, khi làm thủ tục chuyển nhượng đất cho những người nhận chuyển nhượng đất của ông H và bà M thì ông H, bà M đã làm hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại cho chị Ngô Thị Mỹ C theo di chúc đổi là thửa 243c, tờ bản đồ số 54 (nay là thửa 01, tờ bản đồ 73) và căn nhà có trên đất cho chị C đứng tên theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Long Hưng A chứng thực số 83, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 29/01/2010. Đến ngày 12/02/2010, UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 450139, sổ vào sổ CH 00045 thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 05a, diện tích 404m², đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Tây, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Ngô Thị Mỹ C. Từ khi chị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi ông H và bà M chết không ai khiếu nại việc cấp giấy này cho chị C.

Tại phiên tòa các đương sự cũng thừa nhận từ khi chị C đứng tên diện tích đất trên đến khi ông H, bà M chết thì ông H, bà M cũng nhưng chị N, chị T và chị N1 không có khiếu nại về việc chị C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.4] Công văn số 121/BNND-NC ngày 09/8/2021 của UBND huyện Lấp Vò xác định: Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ chị Ngô Thị Mỹ C với diện tích 404m², thuộc thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 54 giấy số BA 450139, sổ vào sổ CH 00045 vào ngày 12/01/2010 là căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hộ Ngô Công H chuyển nhượng Ngô Thị Mỹ C). Về trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định tại thời điểm cấp giấy.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định thửa 243c, tờ bản đồ số 54 mà bà M ghi trong “Tờ di chúc” đề ngày 04/6/2014 được Chủ tịch UBND xã Long Hưng A chứng thực số 02, quyền số 01 TP/CC-SCT/DCTC đã được ông H và bà M làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Ngô Thị Mỹ C từ năm 2010 và chị C đã được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật nên chị C là người có quyền sử dụng đối với thửa đất nay. Do đó, việc bà M làm tờ di chúc để lại phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của chị C cho chị N, chị T và chị N1 là không phù hợp với quy định tại các Điều 609, Điều 612 và Điều 624 của bộ luật dân sự. Do đó, chị N, chị N1, chị T yêu cầu chia thừa kế theo tờ di

chức ngày 04/6/2014 của bà M là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.994.000đ. Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu. Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 624, Điều 630, Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ T và chị Ngô Thị Mỹ N1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo “Tờ di chúc” đề ngày 04/6/2014 được Chủ tịch UBND xã Long Hưng A chứng thực số 02, quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC đối với thửa đất số 243c, tờ bản đồ số 54 (nay là thửa 01, tờ bản đồ số 73).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ T và chị Ngô Thị Mỹ N1 phải liên đới chịu số tiền là 2.994.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), số tiền này đã nộp và chi xong.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Mỹ N, chị Ngô Thị Mỹ T và chị Ngô Thị Mỹ N1 mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.520.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) mà chị N, chị N1 và chị T đã nộp theo biên lai số BI/2019/0009690 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị N, chị N1 và chị T còn được nhận lại số tiền 2.620.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- CC THA-DS H.Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Nội